

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST.

Ngày: 06/5/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Trần Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2024/TLST – DS ngày 11 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS, ngày 21/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Khu đ, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu Minh N, sinh năm 1978.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Điều M, sinh năm 1987 bà Thị G, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn 1, xã ĐK, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2024 nguyên đơn bà S trình bày: Bà S quen biết với cha mẹ của vợ chồng ông Điều M bà Thị G. Vợ chồng ông Điều M bà Thị G cần tiền để đầu tư sào riêng và cà phê nên có vay của bà S số tiền 180.000.000 đồng trong ngày 01/12/2022, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả là 01 tháng. Quá thời hạn trả nợ không trả mà hứa hẹn nhiều lần và né tránh không thực hiện. Vì vậy, khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay gốc 180.000.000 đồng và 37.800.000 đồng lãi suất kể từ ngày vay.

Tuy nhiên, lời khai trong quá trình giải quyết và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày: Bà S và vợ chồng ông Điều M bà Thị G đã giao dịch vay tiền từ năm 2018 nhưng các khoản vay năm 2018 đã kết thúc. Từ năm 2021 đến năm 2022 các bên tiếp tục giao dịch vay vay nhiều lần. Đến ngày 01/12/2022 hai bên mới thống nhất viết lại tổng số tiền 180.000.000 đồng, theo “Giấy mượn tiền” ngày 01/12/2022 rồi hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng, tự thỏa thuận lãi suất theo lãi Ngân hàng. Trong năm 2021 bà S có nhận của ông Điều M bà Thị G số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không phải là trả tiền lãi mà là trả cho khoản vay gốc năm 2021. Tài sản cho vay là riêng cá nhân bà S. Quá thời hạn trả nợ bà S đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông Điều M bà Thị G không trả mà né tránh. Vì vậy, bà S khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc 180.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính từ ngày vay đến ngày làm đơn với mức lãi suất 10%/năm là 30.726.600 đồng, làm tròn là 30.726.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông Điều M bà Thị G trình bày: Về nguồn gốc khoản vay hiện nay nguyên đơn kiện là bao gồm cả tiền gốc và lãi, cụ thể: Ngày 15/5/2018 vợ chồng ông bà vay của bà S số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 30.000đ/1 triệu/1 tháng (tức là 1.200.000đ/tháng, 14.4000.000đ/năm/). Thời hạn trả 01 năm kể từ ngày vay. Khi vay có viết giấy vay, giấy được viết thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Do vợ chồng ông bà gặp khó khăn nên không trả được đúng thời hạn. Từ khi vay đến năm 2022 ông bà chỉ trả được 20.000.000 đồng tiền lãi trong ngày 25/6/2021, đưa tiền trực tiếp nhưng không làm giấy tờ. Đến cuối năm 2022 vào khoảng 05 giờ buổi chiều, bà S viết lại giấy vay ngày 01/12/2022 và yêu cầu ông bà ký tên, do trời hơi tối nên ông bà cũng không đọc kỹ giấy vay. Giấy vay ký xong thì bà S cảm về. Hiện nay ông bà xác định nếu tính theo lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận thì chỉ còn nợ bà S số tiền khoảng 149.000.000 đồng và xin trả số tiền này. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc và lãi suất phát S theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay gốc 180.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 01/12/2022:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/12/2022 tài liệu đương sự giao nộp và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/12/2022 các bên lập giấy mượn tiền nêu trên có nội dung ông Điều M bà Thị G mượn của nguyên đơn bà S số tiền 180.000.000 đồng, hạn trả 01 tháng, không ghi lãi suất. Thực tế ngày 01/12/2022 không giao số tiền nào như giấy. Phía nguyên đơn cho rằng số tiền gốc nêu trên xuất phát từ các khoản vay từ năm 2021 đến năm 2022. Phía bị đơn thì cho rằng xuất phát từ khoản vay 40.000.000 đồng ngày 15/5/2018, thỏa thuận lãi suất là 30.000đ/1 triệu/1 tháng tức là 1.200.000đ/tháng và đã trả lãi được 20.000.000 đồng trong ngày 25/6/2021.

Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn không bị ép buộc phải ký xác nhận vào giấy mượn tiền ngày 01/12/2022. Trường hợp thực hiện theo phép tính ý kiến bị đơn trình bày thì tổng số tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng ngày 15/5/2018 tính đến ngày 01/12/2022 sẽ được số tiền lãi khoảng 67.000.000 đồng, nếu trừ đi số tiền 20.000.000 đồng đã trả thì chỉ còn 47.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi sẽ được là khoảng 87.000.000 đồng. Bị đơn không lý giải được vì sao nguyên đơn lại tính thành 180.000.000 đồng và yêu cầu viết giấy.

Vì vậy, lời khai của phía bị đơn là không có cơ sở chấp nhận mà chỉ có cơ sở xác định phía bị đơn đã vay của nguyên đơn nhiều lần, các bên chốt lại đến ngày 01/12/2022 được số tiền 180.000.000 đồng và hạn trả trong thời hạn 01 tháng. Từ đó đến nay đã quá thời hạn trả nhưng bị đơn không trả được thêm khoản tiền gốc và lãi nào, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về yêu cầu trả lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nguyên đơn trình bày ban đầu nguyên đơn cho rằng ban đầu các bên thỏa thuận nhưng không cụ thể, căn cứ giấy vay thể hiện không thỏa thuận lãi suất nên yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay (01/12/2022) cho đến thời điểm làm đơn 18/8/2024. Phía bị đơn không đồng ý trả mà cho rằng nếu tính theo lãi suất các bên đã thỏa thuận từ năm 2018 thì tổng số tiền còn nợ nguyên đơn đến thời điểm hiện nay là 149.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ nội dung Giấy mượn tiền ngày 01/12/2022 thì các bên chỉ ghi số tiền vay và thời hạn trả, không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ việc các đương sự cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Phía bị đơn cho rằng xuất phát từ khoản vay trước tính lãi suất là 1.200.000đ/tháng, nhưng nguyên đơn cho rằng tính theo lãi suất Ngân hàng. Vì vậy, có cơ sở xác định các bên có tranh chấp về mức lãi suất và cần tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm/số tiền 180.000.000 đồng là phù hợp với mức lãi suất theo quy định của điều luật và được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 180.000.000đ (nợ gốc quá hạn chưa trả) x 10%/năm (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

năm 2015) x 20 tháng 17 ngày (thời gian từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/8/2024) = 30.726.600 đồng, làm tròn là 30.726.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 210.726.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc vợ chồng ông Điều M bà Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tổng cộng số tiền gốc và lãi là 210.726.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Điều M bà Thị G phải chịu 10.536.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.455.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009377 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- (Số lượng: 08 bản).

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hòa – Trần Thị Chín

Lường Văn Tình

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện B;
 - CCTHADS huyện B;
 - Người tham gia tố tụng;
 - Lưu HS;
- (Số lượng: 08 bản).

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình